

Mua vào

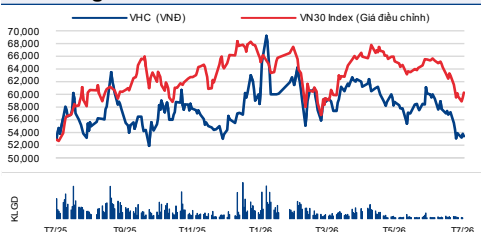
Giá mục tiêu: VND73,200

Tiềm năng tăng/giảm: 37.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2026)	53,400
Mã Bloomberg	VHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	51,900-69,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	53,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,185
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	425
Slg CP lưu hành (tr.đv)	209
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	209
Slg CP NN được mua (tr.đv)	169
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.2%
Tỷ lệ freefloat	54.7%
Cổ đông lớn	Trương Thị Lệ Khanh (45.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	12,021	14,028	15,359
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,977	2,144	2,316
LNTT (tỷ đồng)	1,749	1,883	2,115
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,418	1,555	1,747
FCF (tỷ đồng)	1,996	210	739
EPS ĐC (đồng)	6,319	7,425	8,340
DPS (đồng)	2,000	3,000	3,000
BVPS (đồng)	42,820	50,403	57,989
T.trưởng EBITDA (%)	14.2	8.42	8.03
T.trưởng EPS ĐC (%)	(3.61)	9.66	20.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	50.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.4	15.3	15.1
Tỷ suất LNTT (%)	14.6	13.4	13.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	11.8	11.1	11.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	31.7	43.3	36.0
Nợ thuần/VCSH (%)	2.35	12.9	7.15
ROAE (%)	15.5	15.4	15.4
ROACE (%)	15.6	15.3	15.1
EV/doanh thu (lần)	1.00	0.89	0.78
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.08	5.81	5.15
P/E ĐC (lần)	8.45	7.19	6.40
P/B (lần)	1.25	1.06	0.92
Lợi suất cổ tức (%)	3.75	5.62	5.62

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VHC là công ty xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2026: KQKD thấp hơn dự báo do doanh thu HĐ tài chính giảm

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 giảm 5,9% so với cùng kỳ xuống 469 tỷ đồng, chủ yếu do doanh thu HĐ tài chính thấp hơn dự báo, mặc dù doanh thu thuần tăng 7,9% so với cùng kỳ và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 20,6%.
- Doanh thu thuần nửa đầu năm 2026 tăng 9,5% so với cùng kỳ đạt 6.399 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần đạt 735 tỷ đồng (tăng 6,3% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 45,6% và 47,3% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cả năm của HSC, nhìn chung sát với dự báo.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 11% và 13% trong 1 tháng và 3 tháng qua, VHC đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,8 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 9,9 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

VHC đã công bố KQKD Q2/2026 kém tích cực với doanh thu thuần đạt 3.444 tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần giảm 5,9% so với cùng kỳ xuống 469 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần thấp hơn 19% so với dự báo của HSC chủ yếu do doanh thu HĐ tài chính thấp hơn dự báo.

Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần đạt 735 tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ, trên doanh thu thuần 6.399 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần bằng lần lượt 45,6% và 47,3% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cả năm của HSC, nhìn chung sát với dự báo.

Tăng trưởng ổn định ở mảng cá tra và phụ phẩm

Doanh thu sản phẩm cá tra trong Q2/2026 đạt 1.907 tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu cá tra tăng 10% so với cùng kỳ đạt 3.543 tỷ đồng.

Doanh thu phụ phẩm tiếp tục tăng trưởng tích cực, tăng 13,4% so với cùng kỳ đạt 509 tỷ đồng trong Q2/2026. Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu phụ phẩm tăng 15% so với cùng kỳ đạt 1.028 tỷ đồng.

Collagen & gelatin tiếp tục là mảng kém tích cực nhất, với doanh thu Q2/2026 giảm 26,3% so với cùng kỳ xuống 174 tỷ đồng. Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu giảm 6,8% so với cùng kỳ xuống 372 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, VHC

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,194	3,444	7.9%	5,841	6,399	9.5%
Giá vốn hàng bán	(2,570)	(2,735)	6.4%	(4,881)	(5,258)	7.7%
Lợi nhuận gộp	623	710	13.9%	960	1,141	18.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	19.5%	20.6%		16.4%	17.8%	
Lợi nhuận tài chính	108	18	-83.8%	140	65	-53.8%
Chi phí QL&BH	(146)	(156)	6.5%	(269)	(297)	10.4%
Chi phí QL&BH / doanh thu (%)	4.6%	4.5%		4.6%	4.6%	
Thu nhập thuần khác	11	2	-79.4%	18	6	-67.7%
LNTT	598	574	-4.0%	852	915	7.4%
Lợi nhuận thuần	499	469	-5.9%	692	735	6.3%

Nguồn: VHC

Tăng trưởng tại thị trường Mỹ giảm xuống một chữ số

Doanh thu tại Mỹ trong Q2/2026 tăng 7,7% so với cùng kỳ đạt 1.242 tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu tháng 4 tăng mạnh. Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu tại Mỹ đạt 2.199 tỷ đồng, tăng 19,6% so với cùng kỳ.

Doanh thu tại châu Âu cũng tăng trưởng ổn định, tăng 15,4% so với cùng kỳ đạt 668 tỷ đồng trong Q2/2026. Tuy nhiên, doanh thu nửa đầu năm 2026 chỉ tăng 4,8% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu thấp hơn trong những tháng gần đây.

Trong khi đó, doanh thu tại thị trường Trung Quốc vẫn yếu. Mặc dù doanh thu Q2/2026 tại thị trường này tăng nhẹ 3,2% so với cùng kỳ đạt 191 tỷ đồng nhưng doanh thu nửa đầu năm 2026 gần như đi ngang so với cùng kỳ đạt 401 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ giá bán bình quân tăng

Lợi nhuận gộp Q2/2026 tăng 13,9% so với cùng kỳ đạt 710 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá bán bình quân sản phẩm cá tra ước tính tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp mảng phụ phẩm cải thiện đáng kể nhờ giá bán bột cá và dầu cá tăng (ước tính tăng 10-15% so với cùng kỳ). Giá tăng do nguồn cung bột cá toàn cầu thiếu hụt sau khi Peru cấm đánh bắt cá cơm tại vùng biển miền Trung và miền Bắc. Là nước xuất khẩu bột cá lớn nhất thế giới, sự gián đoạn nguồn cung của Peru khiến thị trường toàn cầu thắt chặt và đẩy giá bột cá và dầu cá tăng.

Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp chung trong Q2/2026 tăng từ 19,5% trong Q2/2025 lên mức 20,6%. Trong nửa đầu năm 2026, tỷ suất lợi nhuận gộp chung cải thiện lên mức 17,8%, so với 16,4% trong nửa đầu năm 2025.

Thu nhập HĐ tài chính giảm gây sức ép lên lợi nhuận thuần

Chi phí quản lý & bán hàng tiếp tục được kiểm soát tốt trong Q2/2026, tăng 6,5% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 7,9% của doanh thu thuần. Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu cải thiện nhẹ từ 4,6% trong Q2/2025 xuống 4,5%. Trong nửa đầu năm 2026, tỷ lệ này duy trì ổn định ở mức 4,6%.

Trong khi đó, lợi nhuận tài chính giảm mạnh 83,8% so với cùng kỳ xuống 18 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tỷ giá giảm 83,4% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 12 tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần cũng giảm 74,5% so với cùng kỳ xuống 3,3 tỷ đồng, từ mức 13 tỷ đồng trong cùng kỳ năm trước.

Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận tài chính đạt 65 tỷ đồng, giảm 53,8% so với cùng kỳ, chủ yếu do lãi tỷ giá giảm 57,7% so với cùng kỳ xuống 40 tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 bằng lần lượt 45,6% và 47,3% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cả năm của HSC, nhìn chung sát với dự báo. Chúng tôi duy trì các dự báo hiện tại với lợi nhuận thuần năm 2026 đạt 1.555 tỷ đồng (tăng trưởng 10%), sau đó tăng trưởng 12% đạt 1.747 tỷ đồng trong năm 2027.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với VHC với giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 73.200đ. Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 11% và 13% trong 1 tháng và 3 tháng qua, VHC đang giao dịch ở mức giá hấp dẫn với P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,8 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 9,9 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026 theo các sản phẩm chính, VHC

Doanh thu các sản phẩm cá tra tăng ổn định, được hỗ trợ nhờ mảng phụ phẩm

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Sản phẩm cá tra	1,785	1,907	6.8%	3,139	3,453	10.0%
Phụ phẩm	449	509	13.4%	894	1,028	15.0%
Collagen & gelatin	236	174	-26.3%	399	372	-6.8%
Sản phẩm giá trị gia tăng	36	45	24.2%	63	89	40.8%
Các sản phẩm khác	682	808	18.5%	1,341	1,440	7.4%
Tổng	3,193	3,443	7.8%	5,836	6,382	9.4%

Nguồn: VHC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026 theo các thị trường trọng điểm, VHC

Tăng trưởng doanh thu tại thị trường Mỹ giảm xuống một chữ số, giảm đáng kể so với mức tăng 39,5% so với cùng kỳ trong Q1/2026

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Mỹ	1,153	1,242	7.7%	1,839	2,199	19.6%
EU	579	668	15.4%	1,155	1,210	4.8%
Trung Quốc	185	191	3.2%	402	401	-0.2%
Các thị trường khác	1,276	1,342	5.2%	2,445	2,572	5.2%
Tổng	3,188	3,443	8.0%	5,836	6,382	9.4%

Nguồn: VHC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	12,513	12,021	14,028	15,359	16,946
Lợi nhuận gộp	1,895	2,040	2,331	2,582	2,793
Chi phí BH&QL	(654)	(565)	(701)	(768)	(847)
Thu nhập khác	66.3	50.5	0	0	0
Chi phí khác	(31.2)	(33.2)	0	0	0
EBIT	1,276	1,493	1,629	1,814	1,945
Lãi vay thuần	207	252	254	301	333
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	2.24	5.09	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,485	1,749	1,883	2,115	2,278
Chi phí thuế TNDN	(182)	(243)	(231)	(259)	(279)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(76.4)	(88.5)	(97.1)	(109)	(117)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,226	1,418	1,555	1,747	1,881
Lợi nhuận thuần ĐC	1,226	1,418	1,555	1,747	1,881
EBITDA ĐC	1,732	1,977	2,144	2,316	2,467
EPS (đồng)	6,556	6,319	6,929	8,340	8,983
EPS ĐC (đồng)	5,463	6,319	7,425	8,340	8,983
DPS (đồng)	2,000	2,000	3,000	3,000	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	187	224	224	209	209
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	224	224	209	209	209
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	224	224	209	209	209

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	570	2,008	281	307	339
Đầu tư ngắn hạn	2,340	2,377	3,823	4,075	5,218
Phải thu khách hàng	2,207	1,985	2,310	2,577	2,823
Hàng tồn kho	2,911	2,785	3,178	3,522	3,876
Các tài sản ngắn hạn khác	213	167	258	251	274
Tổng tài sản ngắn hạn	8,241	9,322	9,849	10,733	12,530
TSCĐ hữu hình	3,059	2,814	3,147	3,586	3,892
TSCĐ vô hình	471	593	557	520	482
Bất động sản đầu tư	0	239	0	0	0
Đầu tư dài hạn	55.9	55.9	50.0	50.0	50.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	13.5	0	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	408	384	390	367	369
Tổng tài sản dài hạn	4,008	4,086	4,156	4,534	4,805
Tổng cộng tài sản	12,249	13,408	14,005	15,267	17,335
Nợ ngắn hạn	2,277	2,046	1,546	1,046	1,046
Phải trả người bán	272	328	369	383	445
Nợ ngắn hạn khác	544	516	679	680	756
Tổng nợ ngắn hạn	3,193	3,311	2,866	2,429	2,673
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	5.72	2.15	2.15	2.15	2.15
Nợ dài hạn khác	29.3	25.8	25.3	25.3	25.3
Tổng nợ dài hạn	35.0	28.0	27.4	27.4	27.4
Tổng nợ phải trả	3,247	3,363	2,917	2,481	2,724
Vốn chủ sở hữu	8,683	9,611	10,557	12,146	13,853
Lợi ích cổ đông thiểu số	319	434	531	640	757
Tổng vốn chủ sở hữu	9,002	10,045	11,088	12,786	14,611
Tổng nợ phải trả và VCSH	12,249	13,408	14,005	15,267	17,335
BVPS (đ)	38,685	42,820	50,403	57,989	66,140
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,707	37.9	1,266	739	707

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,276	1,493	1,629	1,814	1,945
Khấu hao	(456)	(484)	(514)	(501)	(522)
Lãi vay thuần	207	252	254	301	333
Thuế TNDN đã nộp	(259)	(75.8)	(231)	(259)	(279)
Thay đổi vốn lưu động	742	351	(867)	(542)	(407)
Khác	(102)	155	(59.9)	92.6	85.0
LCT thuần từ HKKD	2,113	2,407	986	1,607	1,866
Đầu tư TS dài hạn	(705)	(411)	(776)	(868)	(756)
Góp vốn & đầu tư	(4,171)	(3,801)	0	0	0
Thanh lý	10.8	7.66	0	0	0
Khác	4,003	3,916	459	505	549
LCT thuần từ HĐĐT	(863)	(287)	(317)	(363)	(207)
Cổ tức trả cho CSH	(899)	(449)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(12.5)	(231)	(2,397)	(1,217)	(1,628)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(912)	(680)	(2,397)	(1,217)	(1,628)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	233	570	2,008	281	307
LCT thuần trong kỳ	338	1,440	(1,728)	26.6	31.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.71)	(1.65)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	570	2,008	281	307	339
Dòng tiền tự do	1,408	1,996	210	739	1,111

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.1	17.0	16.6	16.8	16.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	16.4	15.3	15.1	14.6
Tỷ suất LNT (%)	9.80	11.8	11.1	11.4	11.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.3	13.9	12.3	12.3	12.3
Tăng trưởng doanh thu (%)	24.7	(3.93)	16.7	9.49	10.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	23.9	14.2	8.42	8.03	6.55
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	33.4	15.7	9.66	12.3	7.71
Tăng trưởng EPS (%)	31.1	(3.61)	9.66	20.4	7.71
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	9.26	15.7	17.5	12.3	7.71
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	50.0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.5	31.7	43.3	36.0	33.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.4	15.5	15.4	15.4	14.5
ROACE (%)	14.4	15.6	15.3	15.1	14.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.03	0.94	1.02	1.05	1.04
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.66	1.61	0.60	0.89	0.96
Số ngày tồn kho	100	102	99.2	101	100.0
Số ngày phải thu	75.9	72.6	72.1	73.6	72.8
Số ngày phải trả	9.34	12.0	11.5	10.9	11.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.1	2.35	12.9	7.15	6.36
Nợ/tài sản (%)	18.9	16.7	11.7	7.70	7.04
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.34	1.13	0.77	0.51	0.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.58	2.82	3.44	4.42	4.69
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.09	1.00	0.89	0.78	0.70
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.91	6.08	5.81	5.15	4.82
P/E (lần)	8.15	8.45	7.71	6.40	5.94
P/E ĐC (lần)	9.77	8.45	7.19	6.40	5.94
P/B (lần)	1.38	1.25	1.06	0.92	0.81
Lợi suất cổ tức (%)	3.75	3.75	5.62	5.62	5.62

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn